TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2018/DS-PT
Ngày 10 - 10 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Ông Nguyễn Tấn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2018/DS - PT ngày 27/6/2018 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 13/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2018/QĐ - PT ngày 27/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông La Văn T, bà Đinh Thị H; địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Luật sư Nguyễn Tiến T – Văn phòng luật sư B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đinh Xuân H, bà Đinh Thị An N; địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Luật sư Nguyễn Huy H – Công ty luật TNHH hai thành viên M tại tỉnh Đắk Lắk – Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Đường H, phường A, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hồ T, bà Đinh Thị Lân O (ông T vắng mặt, bà O có mặt);

3.2. Ông Đinh Ngọc B, bà Đinh Thị D, ông Đinh Thanh H1, ông Đinh Thanh H2, bà Đinh Thị Hồng H và bà Đinh Thị Mỹ H; cùng địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (chỉ có ông B có mặt còn lại đều vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Đinh Xuân H, bà Đinh Thị An N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông La Văn T và bà Đinh Thị H trình bày:

Năm 2011, gia đình tôi nhận chuyển nhượng của ông Đinh Thành H, bà Đinh Thị H một thửa đất có diện tích 440 m^2 (10 x 44)m. Khi nhận chuyển nhượng thì gia đình tôi đã cắm mốc phân định ranh giới thửa đất có sự chứng kiến của gia đình ông Đinh Xuân H, bà Đinh Thị An N. Tuy nhiên, đến năm 2015 mới hoàn tất thủ tục sang tên trên GCN QSD đất vì thời gian trước đó GCN QSD đất trên đang thế chấp trong Ngân hàng và sau này để giảm thuế nên chúng tôi làm hợp đồng tặng cho. Ngày 29/5/2015, UBND huyện K đã cấp GCN QSD đất số BN 6058xx, thửa đất số 187, tờ bản đồ số 06, điện tích 440 m^2 cho ông La Văn T, bà Đinh Thị H. Đến tháng 4 năm 2017, ông H, bà N phá dỡ cột mốc để xây dựng nhà đã tự ý dịch chuyển cột mốc giáp với đất của ông B, bà D và lấn sang phần đất của gia đình tôi diện tích 13,2 m^2 (0,3 x 44)m. Vụ việc này đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, chúng tôi yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà N phải trả cho ông bà diện tích đất đã lấn chiếm là 13,2 m^2.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đinh Xuân H, bà Đinh Thị An N trình bày:

Năm 2010, vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng của ông Phạm Ngọc T, bà Phạm Thị D1 thửa đất có diện tích 418 m^2 (9,5m x 44m). Khi nhận chuyển nhượng các bên đã tiến hành bàn giao và cắm mốc ngoài thực địa có sự chứng kiến của cán bộ địa chính xã và gia đình ông B, bà D, ông H3, bà H4, ông T, bà O và không ai có ý kiến gì. Sau khi chuyển nhượng thì ngày 14/9/2010 chúng tôi đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 7804xx, thửa đất số 193, tờ bản đồ số 06, mang tên hộ ông Đinh Xuân H, bà Đinh Thị An N. Đến tháng 4 năm 2017, vợ chồng tôi xây nhà và phá bỏ cột mốc cũ, đồng thời cắm cột mốc mới, nên mới phát sinh tranh chấp và ông T, bà H đã khởi kiện ra Tòa án. Khi gia đình tôi mua đất thì trên thửa của đất nhà ông T, bà O và ông B, bà D đã có nhà, đến tháng 3 năm 2011 thì vợ chồng tôi có làm quán bán hàng và xây một phần bờ rào nhưng không có ai tranh chấp. Nay ông T, bà H yêu cầu chúng tôi phải trả 13,2 m^2 thì chúng tôi không đồng ý, bởi vì chúng tôi không biết gia đình mình có thiếu

đất hay không. Trường hợp gia đình tôi thừa đất thì chúng tôi đồng ý trả lại cho ông T, bà H.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ T, bà Đinh Thị Lân O:

Năm 2010, gia đình tôi có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Ngọc T, bà Phạm Thị D thửa đất có diện tích là 440 m^2 (10 m x 44m). Sau khi nhận chuyển nhượng thì gia đình tôi có cùng các hộ lân cận bàn giao ngoài thực địa và cắm mốc để xác định ranh giới. Nay hộ ông T, bà H và hộ ông H, bà N xảy ra tranh chấp thì gia đình tôi không liên quan gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên qua ông Đinh Ngọc B, bà Đinh Thị D:

Gia đình tôi có thửa đất giáp ranh với thửa đất của ông H, bà N. Khi gia đình ông H, bà N nhận chuyển nhượng đất từ ông Phạm Ngọc T thì trên thửa đất của tôi đã có nhà, nhà xây cách hàng rào của hai thửa đất khoảng 2,2 m, hiện nay ngôi nhà trên vẫn còn. Trước đây, gia đình tôi và ông Phạm Ngọc T có dùng cây giá dầu làm hàng ranh. Sau khi ông H về ở thì đã phá bỏ hàng rào cây giá dầu và xây tường rào lên giáp ranh thửa đất, nhưng hiện nay các gốc cây này vẫn còn. Hiện nay, gia đình ông T, bà H và gia đình ông H, bà N tranh chấp thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người làm chứng ông Đinh Thanh H3, bà Đinh Thị H4:

Năm 2010, vợ chồng tôi có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Ngọc T thửa đất có diện tích 440 m^2, sau khi nhận chuyển nhượng, chúng tôi đã tiến hành làm thủ tục sang tên trên GCN QSD đất, khi chúng tôi nhận chuyển nhượng thì thửa đất kế bên của bà ông T, bà O đã nhận chuyển nhượng và khi đó vẫn còn là đất trống. Do không có nhu cầu sử dụng nên cùng năm 2010 vợ chồng chúng tôi đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà H. Tuy nhiên, do lúc đó kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng tôi có mượn lại GCN QSD đất để đi vay ngân hàng và đến năm 2015 chúng tôi mới làm thủ tục sang tên trên GCN QSD đất. Nay các bên phát sinh tranh chấp chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người làm chứng Hoàng Văn C:

Trước khi ông H, bà N; ông T, bà H và ông T, bà O nhận chuyển nhượng đất từ ông Phạm Ngọc T thì thửa đất của gia đình tôi đã có nhà. Hiện nay, ngôi nhà vẫn còn. Ranh giới thửa đất phía giáp với đất của ông T, bà H vẫn còn và gia đình ông H, bà N cũng không có ý kiến gì. Nay các hộ ông T, bà H và hộ ông H, bà N tranh chấp đất thì không liên quan tới gia đình tôi, đồng thời tôi cũng không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 157; 158; 165; 166; 227; 229; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 688; 689 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ các điều 50; 135 và 136 của Luật đất đai năm 2003, sửa đổi năm 2009;

- Căn cứ các điều 166, 170; 179 và 203 Luật đất đai;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông La Văn T, bà Đinh Thị H: Buộc ông Đinh Xuân H, bà Đinh Thị An N trả cho ông La Văn T, bà Đinh Thị H diện tích đất là 13,2m^2. Tứ cận: Phía Đông giáp đất ông La Văn T, Đinh Thị H, kích thước 0,3m; phía Tây giáp đường liên xã, kích thước 0,3m; phía Nam giáp đất ông Đinh Xuân H, bà ĐinhThị An N, kích thước 44m; phía Bắc giáp đất La Văn T, Đinh Thị H, kích thước 44m và phá bỏ kiến trúc gắn liền với phần diện tích đất nói trên (Tường xây gạch và tường rào lưới B40).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và tuyên quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/5/2018, bị đơn ông Đinh Xuân H và bà Đinh Thị An N có đơn kháng cáo với nội dung: Cùng với vợ chồng bị đơn nhận chuyển nhượng đất từ ông Phạm Ngọc T, bà D1 còn có 04 hộ khác, các hộ này đều được cấp GCN QSD đất cùng thời điểm với gia đình bị đơn, thực tế hiện nay 04 hộ gia đình này đang sử dụng đất nhiều hơn diện tích đất nhận chuyển nhượng nhưng tòa án không làm rõ ai là người lấn đất của ông T; kết quả đo đạc của công ty TNHH T không tính đến sai số, nhưng cấp sơ thẩm lại căn cứ vào đó để chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là trái pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án để đảm bảo quyền lợi cho gia đình tôi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày luận cứ có nội dung: Khi nguyên đơn nhận chuyển nhượng đất từ ông H3, bà H4 thì các bên đã bàn giao đất ngoài thực địa, cắm mốc phân định ranh giới thửa đất có sự chứng kiến của ông T, bà O, ông H, bà N. Tại thời điểm bị đơn xây nhà đã tự ý dịch chuyển cột mốc của bị đơn và ông B về phía đất của bị đơn, đồng thời lấn sang đất của nguyên đơn. Bằng chứng thể hiện sự dịch chuyển này là khoảng cách giữa nhà của ông B đến

chân bờ rào nhà của bị đơn dịch chuyển từ 2,2m đến 2,5m. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án ông H đã đồng ý nếu ông H thừa đất thì ông H sẽ trả lại đất cho ông T.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày luận cứ có nội dung: Hiện nay thực tế diện tích đất mà gia đình ông H sử dụng đất vẫn còn thiếu. Ngoài ra, tại ranh giới thửa đất giữa ông H và ông B có các gốc cây to (cây giá dầu) mà khi ông H xây hàng rào đã phá bỏ vẫn còn tồn tại. Đồng thời, sau khi mua đất thì năm 2010 ông H đã làm quán và xây dựng một phần tường rào, sử dụng ổn định trước khi ông T mua đất, tại thời điểm xây dựng tường rào thì không ai có ý kiến gì. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông H, bà N để bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy kết quả đo đạc tại cấp sơ thẩm thể hiện ông H, bà N thực tế sử dụng thừa 3,67m^2. Ngoài ra, tại thời điểm ông H, bà N xây dựng tường rào và quán thì bà H4 đang sử dụng đất không có ý kiến gì. Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án thì ông H, bà N đồng ý trả lại đất cho nguyên đơn nếu ông H, bà N sử dụng đất thực tế lớn hơn GCN QSD đất. Vì vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn diện tích 3,67 m^2. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Căn cứ để nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả diện tích đất lấn chiếm (03 x 44)m = 13,2 m^2 đất là hợp đồng chuyển nhượng diện tích 440 m2 (ngang 10 m x dài 44 m) giữa nguyên đơn với hộ ông Đinh Thanh H3, bà Đinh Thị H4 vào năm 2015; GCN QSD đất cấp cho nguyên đơn diện tích đất 440 m^2. Nhưng, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì vào thời điểm năm 2010 sau khi gia đình bị đơn nhận chuyển nhượng đất từ ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc T tiến hành cắm mốc ranh giới thì nguyên đơn chưa mua đất từ ông H3, bà H4 nên chỉ có ông H3, bà H4 chứng kiến việc cắm mốc. Do đó, tại thời điểm nhận tặng cho (thực tế là nhận

chuyển nhượng) nguyên đơn cũng không biết mình có nhận đủ diện tích đất đã mua hay không mà chỉ dựa và kết quả đo đạc, cắm mốc của hộ ông H3, bà H4 trước đó để xác định ranh giới thửa đất nhận chuyển nhượng.

[2.2] Cấp sơ thẩm căn cứ vào khoảng cách giữa ranh giới thửa đất của ông H, bà N với ngôi nhà của ông B, bà D và kết quả đo đạc UBND xã E, huyện K để chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ vững chắc bởi lẽ: Bị đơn và ông B chỉ xác định khoảng cách giữa ranh giới thửa đất của ông H, bà N với ngôi nhà của ông B, bà D là "khoảng 2,2 m" chứ không xác định chính xác khoảng cách này là 2,2 m (bút lục 51, 54, 67, 116). Đồng thời, tại Biên bản làm việc tại UBND xã E ngày 28/7/2017 bị đơn thừa nhận tại điểm đo số 02 theo kết quả đo của xã có lấn sang đất của nguyên đơn 18 cm và đồng ý trả (bút lục số 19) nhưng cấp sơ thẩm lại không làm rõ các điểm số trong kết quả đo và điểm đo số 2 này nằm ở vị trí nào trên thửa đất của bị đơn, bản thân ông T không đồng ý với kết quả đo của UBND xã E nên việc cấp sơ thẩm sử dụng kết quả đo này để giải quyết vụ án là chưa khách quan.

[2.3] Tại hồ sơ cấp GCN QSD đất cho ông H3, bà H4 (từ bút lục 181 đến 184) thể hiện ông Phạm Ngọc T bán cho ông H3, bà H4, diện tích 440 m^2, trong khi đó theo văn bản ủy quyền của bà D (bút lục 16) thì bà D chỉ ủy quyền cho ông Phạm Ngọc T bán cho ông H3, bà H4 diện tích đất là 420 m^2 cũng chưa được cấp sơ thẩm đề cập đến trong quá trình giải quyết vụ án.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khi thì cho rằng bị đơn lấn chiếm 13,2 m^2 (0,3m x44m), khi thì cho rằng bị đơn lấn 14,2 m^2, kết quả thẩm định tại chỗ và kết quả đo đạc thì thể hiện chiều ngang mặt đường đất của nguyên đơn là 9,73m còn của bị đơn là 9,23 (cả bị đơn và nguyên đơn đều thiếu đất theo chiều ngang mặt đường) trong khi, cấp sơ thẩm lại buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn diện tích đất lấn chiếm là 13,2 m^2 (0,3m x44m) nhưng không làm rõ có hay không việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn 18 cm chiều ngang như lời trình bày tại bút lục số 49.

[2.5] Ông B thừa nhận giữa thửa đất của ông Phạm Ngọc T (nay là lô đất của ông H, bà N) và thửa đất của ông B trước đây có hàng cây giá dầu làm ranh giới, khi bị đơn về sinh sống trên đất và xây tường rào thì có phá bỏ hàng cây này nhưng hiện nay các gốc cây vẫn còn (bút lục 67, 338) nhưng cấp sơ thẩm không xác minh, làm rõ các gốc cây này hiện nay như thế nào để làm căn cứ xác định ranh giới giữa thửa đất của bị đơn và ông B và không thu thập các chứng cứ để làm rõ bị đơn xây tường rào vào thời gian nào, hiện nay các tường rào này có còn không và năm 2017 khi bị đơn xây dựng nhà thì có tháo dỡ tường rào này hay xây dựng tiếp vào phần tường rào đã được xây từ trước hay không.

[2.5] Cấp sơ thẩm cũng không thu thập chứng cứ để xác định ranh giới giữa các thửa đất của các hộ cùng mua đất của ông Phạm Ngọc T, làm rõ việc các hộ ông C, ông T xây nhà, làm hàng rào bao quanh đất của mình vào thời gian nào để xác định những hộ này có phải là người lấn đất của ông T hay không vì theo kết quả thẩm định của cấp sơ thẩm thì hiện nay các hộ gia đình này có diện tích đất sử dụng thực tế lớn hơn so với GCN QSD đất được cấp và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Phạm Ngọc T, bà D1.

[2.6] Nguyên đơn cho rằng khi bị đơn phá dỡ hàng rào, cột mốc để làm nhà thì bị đơn đã dịch chuyển cột mốc cạnh giáp với thửa đất của ông B, bà D dẫn đến việc bị đơn lấn sang đất của nguyên đơn. Tuy nhiên, khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, cấp sơ thẩm không tiến hành đo đạc toàn bộ diện tích đất của ông B, bà D (hiện nay ông B đã tách thành 04 thửa để cho các con) để làm căn cứ xác định việc có sự dịch chuyển mốc giới như nguyên đơn trình bày hay không.

[2.7] Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 21/8/2017 (bút lục số 137) thể hiện gia đình ông Phạm Ngọc T không có hộ khẩu thường trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, tại GCN QSD đất cấp cho hộ ông Phạm Ngọc T, bà D1 (bút lục 191) cũng như các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phạm Ngọc T (bút lục 188, 192, 195) lại thể hiện địa chỉ thường trú của ông Phạm Ngọc T, bà D1 tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, điều này mâu thuẫn với kết quả xác minh tại Công an xã E nhưng không được cấp sơ thẩm làm rõ để xác định hiện nay gia đình ông Phạm Ngọc T đang ở đâu để đưa ông Phạm Ngọc T, bà D1 vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng nhằm làm rõ nội dung vụ án.

[2.8] Bên cạnh đó, trong các biên bản lấy lời khai, biên bản công khai chứng cứ, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì các văn bản này có nhiều chỗ sửa chữa, bổ sung thêm (bút lục 53, 54, 60, 248, 360, 361a) nhưng không có chữ ký xác nhận của các đương sự vào những vị trí này để đảm bảo tính khách quan, công bằng khi giải quyết vụ án.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, đánh giá chứng cứ không khách quan và có nhiều vi phạm nghiêm trọng tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Sẽ được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên ông Đinh Xuân H và bà Đinh Thị An N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông ông Đinh Xuân H và bà Đinh Thị An N - Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Xuân H và bà Đinh Thị An N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 600.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 00022622 ngày 23/5/2018 và 00022621 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung